

Tuần:
Tiết:

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 9. TÌNH HÌNH KINH TẾ, VĂN HOÁ, TÔN GIÁO TRONG CÁC THẾ KỶ XVI – XVIII
(Số tiết dự kiến: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế.
- Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỷ XVI – XVIII.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực để thực hiện các nhiệm vụ được giao của cá nhân/nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp; Xác định được nhiệm vụ của nhóm và tích cực thể hiện trách nhiệm, năng lực của cá nhân đối với nhiệm vụ được giao.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- *Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử*

Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử 1,2 và hình ảnh trong SGK (9.1, 9.2, 9.3, 9.4) dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức những vấn đề cơ bản của bài học.

- *Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*

+ Trình bày được những nét chính về tình hình nông nghiệp ở Đàng Ngoài và Đàng Trong trong các thế kỷ XVI – XVIII, sự phát triển của thủ công nghiệp Đại Việt trong các thế kỷ XVI-XVIII, tình hình thương nghiệp của Đại Việt trong các thế kỷ XVI-XVIII.

+ Trình bày và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỷ XVI-XVII

- *Phát triển năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Lập được bảng tóm tắt nét chính về tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỷ XVI – XVIII theo các tiêu chí sau: lĩnh vực, sự chuyển biến.

+ Liên hệ được các làng thủ công nào ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỷ XVI – XVIII và vẫn tồn tại, phát triển đến ngày nay và đưa ra các đề xuất giải pháp để bảo tồn các làng nghề đó.

+ Kể được những con đường, ngôi trường, nào mang tên những danh nhân tiêu

biểu của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ:

+ Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

+ HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài học.

- Trách nhiệm: HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV. Bài trình chiếu, hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm. Phiếu học tập.

2. Học sinh

SGK, bút, viết, vở ghi, giấy A4, bảng nhóm. Thiết bị truy cập internet, 4G.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức về tình hình kinh tế, văn hóa Đại Việt trong các thế kỉ XVI-XVIII.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Ở các thế kỉ XVI – XVIII, trong dân gian phổ biến những câu sau:

*Ước gì anh lấy được nàng
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây,
Thứ nhất Kinh Kỳ
Thứ nhì Phố Hiến.*

Những câu trên nhắc đến các địa danh nào và phản ánh nội dung gì? Từ đó, hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của em về tình hình kinh tế, văn hóa Đại Việt trong các thế kỉ XVI-XVIII.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung bài mới.

Dự kiến sản phẩm:

- Các địa danh được nhắc đến trong 2 câu thơ trên là: làng gốm Bát Tràng (Hà Nội); Kinh Kì (Thăng Long - Hà Nội); Phố Hiến (Hưng Yên)....
- 2 câu thơ trên phản ánh về sự phát triển của lĩnh vực thủ công nghiệp và thương nghiệp của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII.
- Chia sẻ hiểu biết: trong các thế kỉ XVI - XVIII, đất nước diễn ra nhiều biến động chính trị lớn, tuy nhiên, nhân dân Đại Việt vẫn đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và tôn giáo.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI - XVIII

a. Mục tiêu: Trình bày được tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI – XVIII.

b. Nội dung: Dựa thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thiện thông tin phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm: Thông tin phản hồi phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến										
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ GV cho HS thảo luận nhóm cặp đôi; Giao nhiệm vụ: các thành viên nhóm thảo luận hoàn thành các câu hỏi có trong phiếu học tập.</p> <p>+ Thời gian làm việc: 5 phút.</p> <p>Tư liệu học tập: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI - XVIII</th></tr> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Những nét chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nông nghiệp</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Thủ công nghiệp</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Thương nghiệp</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS dựa vào hình ảnh và thông tin trong SGK, (Tr.40-41), thảo luận cặp đôi để hoàn thiện thông tin phiếu học tập số 1.</p>	Tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI - XVIII		Lĩnh vực	Những nét chính	Nông nghiệp		Thủ công nghiệp		Thương nghiệp		<p>1. <u>Tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI - XVIII</u></p> <p>a) Nông nghiệp</p> <p>- Ở Đàng Ngoài:</p> <p>+ Sản xuất nông nghiệp bị sa sút nghiêm trọng, ruộng công thành ruộng tư ngày càng phổ biến.</p> <p>+ Người nông dân mất ruộng đất, buộc phải lĩnh canh, nộp tô cho địa chủ, nộp thuế cho Nhà nước và thực hiện nhiều nghĩa vụ khác.</p> <p>+ Tình trạng thiên tai, mất mùa, đói kém,... khiến nông dân nghèo ở nhiều địa phương phải bỏ làng đi phiêu tán.</p> <p>- Ở Đàng Trong:</p>
Tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI - XVIII											
Lĩnh vực	Những nét chính										
Nông nghiệp											
Thủ công nghiệp											
Thương nghiệp											

+ GV quan sát, hỗ trợ các nhóm nếu có khó khăn.

Tư liệu học tập: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI - XVIII	
Lĩnh vực	Những nét chính
Nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Ở Đàng ngoài: sản xuất sa sút, ruộng công biến thành ruộng tư; nông dân bị mất ruộng đất phải lĩnh canh, nộp tô cho địa chủ, thuế nhà nước; thiên tai, mất mùa,... nông dân nghèo bỏ làng đi phiêu tán. - Ở Đàng Trong: nông nghiệp phát triển; hình thành tầng lớp địa chủ lớn; nông dân bị bóc lột nặng nề do bị mất ruộng đất chưa nghiêm trọng như Đàng Ngoài
Thủ công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài, các chính quyền vẫn duy trì hoạt động của các quan xưởng. - Nghề thủ công trong nhân dân phát triển mạnh mẽ hơn: dệt vải, đồ gốm, rèn sắt... - Xuất hiện nhiều làng nghề nổi tiếng: Gốm Thổ Hà (B.Giang), Bát Tràng (H.Nội); Dệt La Khê (H.Nội), Rèn sắt Nho Lâm (N.An); làm đường mía ở Quảng Nam...
Thương nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Buôn bán được mở rộng, mạng lưới chợ được hình thành ở cả vùng đồng bằng và ven biển. - Nhiều đô thị xuất hiện ở những thời điểm khác nhau và khởi sắc trong các TK XVII-XVIII: Thăng Long (Kẻ Chợ) với 36 phố phường, Phố Hiến (Hưng Yên) Thanh Hà (Thừa Thiên Huế), Hội An (Quảng Nam), Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh),... đều gắn với hoạt động ngoại thương. - Nửa sau TK XVIII, các thành thị suy tàn do chính quyền thi hành chính sách hạn chế ngoại thương

Công cụ đánh giá: Phiếu học tập số 1

Lĩnh	Thành	Đúng	Sai	Hoàn	Chưa
-------------	--------------	-------------	------------	-------------	-------------

+ Nông nghiệp phát triển rõ rệt, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Hình thành tầng lớp địa chủ lớn.

+ Tình trạng nông dân bị bóc lột nặng nề do mất ruộng đất chưa nghiêm trọng như ở Đàng Ngoài.

b) Thủ công nghiệp

- Ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài, các chính quyền vẫn duy trì hoạt động của các quan xưởng để sản xuất vũ khí cho quân đội, may trang phục, làm đồ trang sức cho quan lại và đúc tiền,...

- Nghề thủ công trong nhân dân phát triển mạnh mẽ hơn như: dệt vải lụa, đồ gốm, rèn sắt, đúc đồng, dệt chiếu, làm giấy,...

- Nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng như: làng gốm Thổ Hà (Bắc Giang), Bát Tràng (Hà Nội); làng dệt La Khê (Hà Nội); các làng rèn sắt ở Nho Lâm (Nghệ An), Hiền Lương, Phú Bài (Huế); làng làm đường mía ở Quảng Nam;...

c) Thương nghiệp

- Buôn bán mở rộng.

- Mạng lưới chợ được hình thành ở cả vùng đồng bằng và ven biển.

- Nhiều đô thị xuất hiện ở những thời điểm khác nhau và khởi sắc trong các thế kỉ

vực	tự chính			thành	hoàn thành
Nông nghiệp				Hoàn thành 2/3 phiếu học tập chính xác trong thời gian quy định là Đạt yêu cầu	Hoàn thành dưới 1/2 phiếu học tập trong thời gian quy định là Chưa Đạt yêu cầu
Thủ công nghiệp					
Thươn g nghiệp					

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Hết thời gian 5 phút, GV cho đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của mình (đại diện 2-3 nhóm, các nhóm còn lại nộp đại diện một phiếu học tập lại cho GV nhận xét)

+ Các HS khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức:

GV quan sát, đánh giá quá trình thực hiện của HS về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của HS.

*** GV có thể mở rộng:** Em hãy kể tên một số địa danh gắn liền với các làng nghề thủ công có từ thời Lý. Địa danh và làng nghề nào còn đến ngày nay?

XVII – XVIII.

+ Ở Đàng Ngoài: Thăng Long (Kẻ Chợ) với 36 phố phường, Phố Hiến (Hưng Yên)

+ Ở Đàng Trong: Thanh Hà (Thừa Thiên Huế), Hội An (Quảng Nam), Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh),... đều gắn với hoạt động ngoại thương.

- Đến nửa sau thế kỉ XVIII, các thành thị dần suy tàn do các chính quyền Đàng Ngoài và Đàng Trong thi hành chính sách hạn chế ngoại thương.

2. Tình hình văn hoá trong các thế kỉ XVI – XVIII

a. Mục tiêu: Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

b. Nội dung: Vẽ sơ đồ tư duy và trình bày sản phẩm (Phòng tranh)

c. Sản phẩm: Sản phẩm Sơ đồ tư duy của HS (trên giấy A0)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p>- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV yêu cầu HS sử dụng thông tin trong SGK, thực hiện nhiệm vụ sau:</p> <p>1. Vẽ sơ đồ tư duy tình hình văn hoá trong các thế kỉ XVI – XVIII.</p> <p>2. Hãy nêu nhận xét về sự chuyển biến đó trong các thế kỉ XVI - XVIII.</p>	<p>2. Tình hình văn hoá trong các thế kỉ XVI – XVIII</p> <p>a. Tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo:</p> <p>- Tôn giáo:</p> <p>+ Nho giáo: đề cao trong học tập, thi cử và tuyển chọn quan lại.</p>

3. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK mục 2

GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ

Các thông tin cần thể hiện trong sơ đồ dự kiến cơ bản như sau: (GV khuyến khích sự sáng tạo của HS)

1. Sơ đồ tư duy tình hình văn hoá trong các thế kỉ XVI – XVIII



Công cụ đánh giá: Thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: Khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

Tiêu chí	Mức độ đạt được	Ghi chú
Lựa chọn đúng thông tin trong việc vẽ sơ đồ tư duy	(1) (2) (3) (4) (5)	Mức 3 trở lên là Đạt GV có thể quy ra điểm nếu cần.
Tính thẩm mỹ của sơ đồ tư duy	(1) (2) (3) (4) (5)	

2. Hãy nêu nhận xét về sự chuyển biến đó trong các thế kỉ XVI – XVIII

GV tôn trọng ý kiến riêng của HS nhưng HS phải thể hiện được thái độ tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của nước ta TK XVI-XVIII, đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực, tôn giáo đa dạng, tín ngưỡng truyền thống vẫn được duy trì, thêm chữ viết mới (chữ Quốc ngữ), sự phát triển của

+ Phật giáo và Đạo giáo được phục hồi.

+ Công giáo: Năm 1533, được truyền bá vào nước ta; TK XVIII được lan truyền trong cả nước.

- Tín ngưỡng: thờ Thành hoàng, thờ cúng tổ tiên, tổ chức lễ hội hàng năm... thể hiện tinh thần đoàn kết, yêu quê hương, đất nước.

b. Chữ viết:

- Chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La tinh cũng được sáng tạo.

- Ban đầu, các giáo sĩ phương Tây học tiếng Việt để truyền đạo. Trong quá trình đó, họ dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, tạo ra chữ Quốc ngữ. Loại chữ này dần được sử dụng phổ biến vì rất tiện lợi và khoa học.

c. Văn học:

- Văn học chữ Hán: vẫn chiếm ưu thế.

- Văn học chữ Nôm: phát triển mạnh hơn trước. Thơ Nôm và truyện Nôm xuất hiện ngày càng nhiều hơn với một số tác giả (Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Đào Duy Từ,...) và tác phẩm nổi tiếng (Bộ diễn ca Thiên Nam; tập thơ Nôm Bạch Vân)

- Văn học dân gian phát triển với nhiều thể loại như: truyện tiêu lâm, truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn,... Thể thơ lục bát và song thất lục bát được sử dụng rộng rãi.

văn học chữ Nôm và nghệ thuật đa dạng....

+ Trong các thế kỉ XVI - XVIII, nhân dân Đại Việt đã đạt được nhiều thành tựu lớn trên các lĩnh vực văn hóa, tôn giáo. Những thành tựu này là minh chứng cho tài năng, tư duy sáng tạo và sự lao động miệt mài của người dân. Nhiều thành tựu văn hóa ở thời kì này vẫn được bảo tồn, gìn giữ và sử dụng cho đến ngày nay.

+ Thế kỉ XVI - XVIII đã diễn ra sự tiếp xúc và giao lưu giữa văn minh Đại Việt với văn minh phương Tây: (Công giáo hay Thiên chúa giáo -> chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La – tinh được sáng tạo...), đưa đến nhiều chuyển biến mới trong đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân Đại Việt.

3. *Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? vì sao?*

Ấn tượng chữ Quốc ngữ. Vì:

+ So với các loại chữ viết trước đó (là chữ Hán và chữ Nôm), chữ Quốc ngữ có nhiều ưu điểm nổi bật, như: số lượng chữ cái ít nhưng khả năng ghép chữ linh hoạt; tiện lợi, dễ dàng ghi nhớ và có thể phổ biến trên diện rộng,...

+ Chữ Quốc ngữ vẫn được người dân Việt Nam sử dụng cho đến ngày nay.

- Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

GV mời HS trưng bày sản phẩm lên tường (**phòng tranh**) và thuyết minh sản phẩm..

Các nhóm HS sẽ đi xem xét các sơ đồ tư duy của các nhóm, bình chọn sơ đồ tư duy đủ thông tin và đẹp nhất.

- Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV dựa vào các nội dung đã trình bày trong dự kiến sản phẩm để nhận xét sản phẩm của HS.

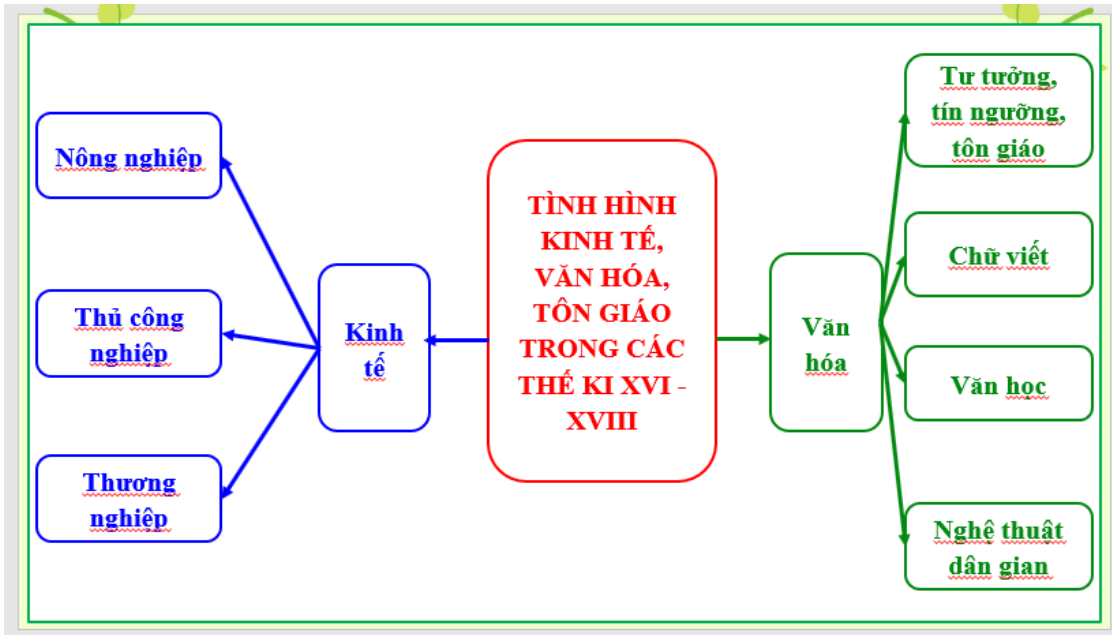
GV bổ sung và chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

d. Nghệ thuật dân gian:

- Nghệ thuật dân gian phát triển, tiêu biểu là nghệ thuật điêu khắc trong các đình, chùa với nét chạm khắc mềm mại, mô tả cảnh sinh hoạt thường ngày và tượng Phật rất đặc sắc.

- Nghệ thuật sân khấu đa dạng với các loại hình như hát chèo, hát ả đào, hát tuồng,... Ngoài ra còn có các điệu múa như: múa trên dây, múa đèn,...

GV hướng dẫn HS tự chốt lại kiến thức bằng sơ đồ sau:



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS, cho HS làm việc theo nhóm, hoàn thành vào phiếu học tập

c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm và trả lời phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHƯƠNG ÁN 1.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm vào phiếu học tập: Hãy lập bảng tóm tắt nét chính về tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII theo các tiêu chí sau: lĩnh vực, sự chuyển biến.

Lĩnh vực		Sự chuyển biến
Kinh tế	Nông nghiệp	
	Thủ công nghiệp	
	Thương nghiệp	
Văn hóa	Tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo	
	Chữ viết	
	Văn học	
	Nghệ thuật dân gian	

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm

Gợi ý đáp án:

Lĩnh vực		Sự chuyển biến
Kinh tế	Nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Ở Đàng ngoài: sản xuất sa sút; nông dân bị thiếu ruộng trầm trọng, lâm vào cảnh đói khổ, bần cùng. - Ở Đàng Trong: sản xuất phát triển; hình thành tầng lớp đại địa chủ; tình trạng nông dân thiếu ruộng không trầm trọng như Đàng Ngoài.
	Thủ công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài, các chính quyền vẫn duy trì hoạt động của các quan xưởng. - Thủ công nghiệp trong nhân dân tiếp tục phát triển: đa dạng nhiều ngành, nghề; sản phẩm phong phú, tinh tế; xuất hiện nhiều làng nghề nổi tiếng.
	Thương nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động buôn bán trong dân đã trở nên phổ biến. - Ngoại thương phát triển mạnh, có quan hệ giao thương với nhiều nước trên thế giới. - Nhiều đô thị được hưng khởi.
Văn hóa	Tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nho giáo vẫn giữ địa vị thống trị. - Đạo giáo và Phật giáo được phục hồi. - Thiên Chúa giáo du nhập và dần gây được ảnh hưởng trong nhân dân. - Tín ngưỡng: thờ Thành hoàng, thờ cúng tổ tiên, tổ chức lễ hội hàng năm...
	Chữ viết	<ul style="list-style-type: none"> - Văn học chữ Hán vẫn chiếm ưu thế. - Văn học chữ Nôm đã phát triển mạnh hơn trước. - Văn học dân gian phát triển với nhiều thể loại.
	Văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Chữ Quốc ngữ ra đời và dần được sử dụng phổ biến.
	Nghệ thuật dân gian	<ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật điêu khắc rất phát triển với nét chạm khắc mềm mại, tinh tế. - Nghệ thuật sân khấu đa dạng với các loại hình.

PHƯƠNG ÁN 2.

Ghi chú: GV có thể thiết kế các nội dung trên thành hệ thống các câu trắc nghiệm để triển khai tại lớp. (Chia 2 nhóm và tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” – HS làm vào bảng nhóm - GV cho HS chấm chéo – Nhóm nào đúng nhiều câu được điểm nhiều nhất thì nhóm đấy chiến thắng, GV có thể cộng điểm cho các thành viên trong nhóm)



Gợi ý câu hỏi:

Câu 1: Tình hình nông nghiệp ở Đảng Ngoài trong các thế kỉ XVI - XVIII như thế nào?

- A. Sản xuất nông nghiệp bị sa sút nghiêm trọng do những cuộc xung đột kéo dài.
- B. Tình trạng biến ruộng công thành ruộng tư ngày càng phổ biến.
- C. Đời sống nông dân khổ cực, bị bần cùng hóa
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Tình hình nông nghiệp ở Đảng Trong trong các thế kỉ XVI - XVIII như thế nào?

- A. Sản xuất nông nghiệp phát triển rõ rệt nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Sự phát triển của nông nghiệp dẫn đưa đến sự hình thành tầng lớp địa chủ lớn.
- C. Đất khai hoang vẫn còn nhiều, tình trạng nông dân thiếu ruộng không trầm trọng.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 3: Sự phát triển của thủ công nghiệp Đại Việt được thể hiện qua?

- A. Các chính quyền vẫn duy trì hoạt động của các quan xưởng để sản xuất vũ khí cho quân đội, may trang phục, làm đồ trang sức cho quan lại và đúc tiền,....
- B. Các nghề thủ công trong nhân dân phát triển mạnh mẽ hơn, như: dệt vải lụa, đồ gốm, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy,...
- C. Nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng như: làng gốm Thổ Hà (Bắc Giang), Bát Tràng (Hà Nội); làng dệt La Khê (Hà Nội); các làng rèn sắt ở Nho Lâm (Nghệ An), Hiền Lương, Phú Bài (Huế); làng làm đường mía ở Quảng Nam;...
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4: Tình hình nội thương Đại Việt trong các thế kỉ XVI-XVIII là?

- A. Hoạt động buôn bán trong dân đã trở nên phổ biến
- B. Mạng lưới chợ được hình thành ở cả vùng đồng bằng và ven biển

- C. Cả hai đáp án A,B đều đúng
- D. Đáp án khác

Câu 5: Ngoại thương Đại Việt trong các thế kỉ XVI-XVIII phát triển mạnh như thế nào?

- A. Chính quyền Đàng Trong và Đàng Ngoài có quan hệ giao thương với thương nhân nhiều nước trên thế giới, như: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Nhật Bản,...
- B. Trong quá trình giao thương: người Việt bán các sản phẩm: tơ lụa, đường trắng, đồ gốm, lâm sản,... và mua về các mặt hàng như: len dạ, bạc, đồng, vũ khí...
- C. Thương nhân nhiều nước đã xin lập phố xá, thương điểm để buôn bán lâu dài.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 6: Trong các thế kỉ XVII - XVIII, Đại Việt có đô thị hưng khởi nào?

- A. Kẻ Chợ (Thăng Long)
- B. Thanh Hà (Thừa Thiên Huế)
- C. Hội An (Quảng Nam)
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 7: Nửa sau thế kỉ XVII, tình hình ngoại thương của Đại Việt như thế nào?

- A. Các thành thị dần suy tàn
- B. Các chính quyền Đàng Ngoài và Đàng Trong thi hành chính sách hạn chế ngoại thương
- C. Cả hai đáp án A, B đều đúng
- D. Phát triển hưng thịnh

Câu 8: Sự chuyển biến tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII diễn ra như thế nào?

- A. Nho giáo vẫn được chính quyền phong kiến đề cao trong học tập, thi cử và tuyển chọn quan lại.
- B. Phật giáo và Đạo giáo được phục hồi.
- C. Năm 1533, Công giáo được truyền bá vào nước ta và dần gây dựng được ảnh hưởng trong quần chúng.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 9: Sự chuyển biến về chữ viết ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII diễn ra như thế nào?

- A. Trong quá trình truyền Thiên Chúa giáo, các giáo sĩ phương Tây đã dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, tạo ra chữ Quốc ngữ.
- B. Chữ quốc ngữ dần được sử dụng phổ biến
- C. Cả hai đáp án A,B đều đúng
- D. Tiếp tục phát triển chữ Hán Nôm

Câu 10: Sự chuyển biến về văn học ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII diễn ra như thế nào?

- A. Văn học chữ Hán vẫn chiếm ưu thế.
- B. Văn học chữ Nôm đã phát triển mạnh hơn trước.
- C. Văn học dân gian tiếp tục phát triển với nhiều thể loại như: truyện tiểu lâm, thể thơ lục bát và song thất lục bát,...
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 11: Nghệ thuật dân gian Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII có gì nổi bật?

- A. Nghệ thuật điêu khắc rất phát triển với nét chạm khắc mềm mại, tinh tế.
- B. Nghệ thuật sân khấu đa dạng với các loại hình như hát chèo, hát ả đào, hát tuồng,...
- C. Các điệu múa như: múa trên dây, múa đèn,...
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 12: Sự chuyển biến trên các lĩnh vực văn hóa tôn giáo đã cho thấy điều gì?

- A. Minh chứng cho tài năng, tư duy sáng tạo và sự lao động miệt mài của người dân
- B. Minh chứng cho sự giao lưu giữa văn minh Đại Việt với văn minh phương Tây
- C. Minh chứng cho sự du nhập của các nước phương Tây
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 13: Tầng lớp nào được hình thành ở Đàng Trong Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII ?

- A. Đại địa chủ
- B. Nô lệ
- C. Công nhân
- D. Nông dân

Câu 14: Tình hình văn học ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII?

- A. Văn học chữ Hán vẫn chiếm ưu thế.
- B. Văn học chữ Nôm đã phát triển mạnh hơn trước.
- C. Văn học dân gian phát triển với nhiều thể loại.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 15: Một số làng nghề thủ công ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỉ XVI - XVIII là?

- A. Làng nghề tranh Đông Hồ (Bắc Ninh); tranh Hàng Trống (Hà Nội); làng Sình (Thừa Thiên Huế),...
- B. Làng đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng).
- C. Làng làm đường mía Bảo An (Quảng Nam).
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 16: Những địa danh được nhắc đến trong các câu sau là?

Ước gì anh lấy được nàng,

*Đề anh mua gạch: Bát Tràng về xây;
Thứ nhất Kinh Kỳ,
Thứ nhì Phố Hiến.*

- A. Bát Tràng
- B. Kinh Kỳ
- C. Phố Hiến
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 17: Việc giao lưu, buôn bán với nước ngoài được đẩy mạnh đã tạo ra thuận lợi gì?

- A. Hình thành nên những trung tâm mua bán sầm uất.
- B. Phát triển nông nghiệp
- C. Tạo cơ hội truyền bá văn hóa phương Tây
- D. Đáp án khác

Câu 18: Trong các thế kỉ XVI - XVIII, Xung đột kéo dài gây ra tình trạng gì?

- A. Sản nông nghiệp sa sút nghiêm trọng
- B. Tình trạng biến ruộng công thành ruộng tư ngày càng phổ biến
- C. Vua quan không quan tâm đến ruộng đất
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 19: Văn học dân gian phát triển với những tác phẩm tiêu biểu nào?

- A. Truyện tiểu lâm
- B. Truyện Trạng Quỳnh
- C. Truyện Lợn
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 20: Có những giải pháp nào để bảo tồn các làng nghề?

- A. Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi; thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề.
- B. Phát triển làng nghề gắn với du lịch, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường.
- C. Tăng cường tuyên truyền cho thế hệ trẻ giá trị của các làng nghề và tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát triển làng nghề.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 21: Một trong những tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của người Việt được phát huy ở các thế kỉ XVI đến XVIII là

- A. Ăn trâu.
- B. Trò chơi dân gian.
- C. Tổ chức lễ hội.
- D. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 22: Chữ viết nào được truyền bá vào nước ta thông qua quá trình truyền bá của Thiên Chúa Giáo từ thế kỉ XVII?

- A. Chữ Phạn.
- B. Chữ Sanscrit.
- C. Chữ Quốc ngữ.
- D. Chữ tượng ý.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của HS.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS vận dụng hiểu biết và kiến thức đã học để tìm hiểu thông tin về các làng thủ công hiện nay và đưa ra được giải pháp bảo tồn các làng nghề. Kể tên được những con đường, ngôi trường, nào mang tên những danh nhân tiêu biểu của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

c. Sản phẩm: Hình ảnh, thông tin HS sưu tầm được.

d. Tổ chức thực hiện: (GV có thể giao về nhà cho HS làm vào vở BT)

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS và yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ sau:

1. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo và internet, em hãy cho biết: Làng thủ công nào ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỉ XVI – XVIII và vẫn tồn tại, phát triển đến ngày nay? Hãy đề xuất ít nhất một giải pháp để bảo tồn các làng nghề đó. (Khuyến khích HS đưa hình ảnh và thông tin về làng nghề, trình bày sáng tạo)
2. Em biết những con đường, ngôi trường, nào mang tên những danh nhân tiêu biểu của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII? (Có hình ảnh càng tốt)

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV giới thiệu các trang thông tin tin cậy để HS có thể tìm hiểu.
- HS về nhà làm bài và sưu tầm các thông tin liên quan trên internet hoặc đọc sách báo, tài liệu tham khảo. (nếu còn thời gian có thể thực hiện nhiệm vụ tại lớp)

Gợi ý sản phẩm:

1. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo và internet, em hãy cho biết: Làng thủ công nào ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỉ XVI – XVIII và vẫn tồn tại, phát triển đến ngày nay? Hãy đề xuất ít nhất một giải pháp để bảo tồn các làng nghề đó.

- Một số làng nghề thủ công ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỉ XVI - XVIII:
 - + Làng nghề tranh Đông Hồ (Bắc Ninh); tranh Hàng Trống (Hà Nội); làng Sinh (Thừa Thiên Huế),...
 - + Làng đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng).

- + Làng làm đường mía Bảo An (Quảng Nam).
- Đề xuất biện pháp bảo tồn:
- + Xây dựng quy hoạch tổng thể và vùng nguyên liệu ổn định cho các làng nghề.
- + Tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của các làng nghề truyền thống.
- + Phát triển làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trải nghiệm.
- + Tôn vinh các nghệ nhân; đẩy mạnh các hoạt động học hỏi, truyền nghề cho thế hệ trẻ.
- +

?2. Em biết những con đường, ngôi trường, nào mang tên những danh nhân tiêu biểu của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII?

Trả lời:

- Một số con đường, ngôi trường.... mang tên những danh nhân tiêu biểu của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII:
- + Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (tổ 8, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội).
- + Trường THCS Phùng Khắc Khoan (số 85 Lương Đình Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội).
- + Trường THCS Đào Duy Từ (số 101E1, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội).
- + ...

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi học tới hoặc nộp ngay tại lớp nếu đã hoàn thành yêu cầu.
- HS trình bày trước lớp ở tiết học sau
- HS khác nhận xét bổ sung

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét vào phiếu nộp, trả lại và nhận xét cho HS vào thời điểm thích hợp.

Công cụ đánh giá hoạt động vận dụng:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được
Sản phẩm thể hiện đúng nội dung yêu cầu	4	
Số lượng sản phẩm phong phú, đa dạng, hình ảnh rõ nét	3	
Cách thể hiện sáng tạo, nội dung có chọn lọc	2	
Hoàn thành đúng thời gian GV yêu cầu	1	

*** HƯỚNG DẪN HỌC BÀI:**

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK, SBT
- Soạn bài 10: Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)